TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN D** **TỈNH LĐ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 47/2024/QĐST-HNGĐ	*D, ngày 16 tháng 5 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬNTHUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ Phí năm 2015;

Căn cứ Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 123/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2024 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Ông Bùi Quốc K, sinh năm 1974 địa chỉ: Số 66 Thôn B, xã T, huyện D, tỉnh LĐ và bà , sinh năm 1981; địa chỉ: Số 66 Thôn B, xã T, huyện D, tỉnh LĐ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Bùi Quốc K và bà Bùi Thị Q kết hôn năm 2000, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Thượng, huyện D, tỉnh LĐ. Hôn nhân do hai bên tự nguyện, có tổ chức lễ cưới. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại Thôn B, xã T, huyện D, tỉnh LĐ. Cuộc sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng có những bất đồng về quan điểm, lối sống, cách suy nghĩ nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhau, vợ chồng không còn yêu thương, chăm sóc gì đến nhau nữa và đã sống ly thân từ năm 2021 đến nay. Nay ông K và bà Q xác định không còn tình cảm, không còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đều yêu cầu Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn giữa anh, chị. Xét yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông K, bà Q là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội nên công nhận.

[2] Về con chung: Hai bên xác định vợ chồng có 03 con chung là Bùi Việt Ph, sinh ngày 12/02/2000, Bùi Thị Ánh D, sinh ngày 16/8/2002 và Bùi Thị Bách H, sinh ngày 01/01/2005

Hiện nay, các con đã đủ 18 tuổi, sức khoẻ bình thường nên không yêu cầu Toà án giải quyết về con chung.

[3] Về tài sản chung: Hai bên xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Hai bên xác định không có nên không đề cập.

[5] Về lệ phí Tòa án: Ông Bùi Quốc K và bà Bùi Thị Q thỏa thuận chịu toàn bộ lệ phí sơ thẩm yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình, thỏa thuận này của ông K và bà Qlà đảm bảo theo quy định của pháp luật nên công nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Bùi Quốc K và bà Bùi Thị Q thỏa thuận thuận tình ly hôn.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Bùi Quốc K và bà Bùi Thị Q thỏa thuận chịu 300.000 đồng lệ phí sơ thẩm yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân gia đình (được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng lệ phí ông K, bà Q đã nộp theo biên lai thu số 0005732 ngày 11 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh LĐ).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh LĐ;
- VKSND huyện D;
- Chi cục THADS huyện D
- UBND xã T;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đoàn Thị Vui